

Số: 464 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 01/4/2022 đến 16h00 ngày 02/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 490,1 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Mặc dù hầu hết các biện pháp phòng ngừa COVID-19 đã được dỡ bỏ và tỷ lệ mắc mới ở mức thấp, một cuộc khảo sát mới cho thấy hầu hết cư dân ở bang California đồng dân nhất của Mỹ lại mong muốn chính quyền tiếp tục các biện pháp kiểm soát nhằm phòng ngừa nguy cơ dịch bệnh tái bùng phát. Kết quả của cuộc khảo sát trên toàn bang của Viện Chính sách Công của California cho thấy cứ 10 người được hỏi, thì có hơn 6 người bày tỏ vẫn ủng hộ các hạn chế phòng ngừa COVID-19.

Canada đã nới lỏng các biện pháp nhập cảnh đối với du khách nước ngoài đã tiêm đủ liều vaccine phòng COVID-19. Theo đó, những du khách đáp ứng đủ điều kiện không cần phải thực hiện các xét nghiệm COVID-19 trước khi nhập cảnh vào Canada, thay vào đó, họ sẽ được xét nghiệm ngẫu nhiên. Những trường hợp được lựa chọn ngẫu nhiên để xét nghiệm sẽ không cần cách ly nếu có kết quả âm tính với virus SARS-CoV-2. Các cơ quan chức năng sẽ tiếp tục điều chỉnh các biện pháp kiểm dịch dựa trên tình hình dịch tễ trong nước và nước ngoài.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 02/4/2022, cả nước ghi nhận 9.716.282 ca mắc, trong đó 9.710.115 ca trong nước. Đến nay đã có 7.713.354 người khỏi bệnh, 42.526 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.708.545 ca, trong đó có 9.642.929 ca trong nước, 7.710.537 người đã khỏi bệnh (79,4%), 42.491 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 65.619 ca dương tính, trong đó có 65.616 ca ghi nhận trong nước tại 61 tỉnh thành phố: Hà Nội (7.423), Đắk Lắk (3.999), Nghệ An (2.911), Yên Bái (2.883), Phú Thọ (2.770), Bắc Giang (2.439), Quảng Ninh (2.378), Lào Cai (2.283), Hà Giang (2.016), Thái Bình (1.911), Quảng Bình (1.857), Bắc Ninh (1.758), Vĩnh Phúc (1.706), Lạng Sơn (1.668), Tuyên Quang (1.497), Bắc Kạn (1.479), Sơn La (1.319), Hà Nam (1.158), Thái Nguyên (1.134), Cao Bằng (1.111), Hải Dương (1.088), Vĩnh Long (988), Cà Mau (978), Hưng Yên (956), Lâm Đồng (936), Lai Châu (877), Bình Định (834), Bình Dương (748), Quảng Trị (747), Hồ Chí Minh (746), Tây Ninh (737), Bình Phước (728), Hà Tĩnh (715), Điện Biên (661), Hòa Bình (661), Ninh

Bình (648), Quảng Ngãi (618), Nam Định (571), Thừa Thiên Huế (563), Bến Tre (557), Đà Nẵng (525), Đắk Nông (481), Thanh Hóa (465), Bà Rịa - Vũng Tàu (412), Phú Yên (358), Trà Vinh (342), Hải Phòng (302), Khánh Hòa (294), Bình Thuận (264), Quảng Nam (259), An Giang (150), Kiên Giang (146), Bạc Liêu (140), Kon Tum (121), Long An (115), Cần Thơ (80), Đồng Nai (40), Đồng Tháp (26), Hậu Giang (16), Ninh Thuận (13), Tiền Giang (10).

- Có 3 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Trị (2), An Giang (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (+900), Bắc Ninh (+383), Bình Phước (+61).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Lào Cai (-521), Vĩnh Phúc (-496), Hòa Bình (-435).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 43.560 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,4% tổng số mắc trong ngày), giảm 7.791 ca so với ngày trước đó.

- + Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 2.199 ca cộng đồng (giảm 77 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 300.430 ca.

- + Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 2.107 ca thông qua sàng lọc (giảm 512 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 119.839 ca.

- + Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 1.912 ca cộng đồng (giảm 322 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 283.184 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với ngày trước đó: Tuyên Quang tăng 1.063 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 13.771 ca), TP. Hà Nội (giảm 11.324 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 7.710.537 người đã khỏi bệnh (79,4%), tăng 106.878 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.960.402 trường hợp, trong đó có 2.541 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.704 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 213; (3) Thở máy không xâm lấn: 59; (4) Thở máy xâm lấn: 209.

- Trong ngày 01/4, ghi nhận 33 trường hợp tử vong (giảm 6 ca so với ngày trước đó), tại: Phú Thọ (4 ca trong 2 ngày), Bạc Liêu (3), Bắc Giang (2), Bến Tre (2), Đồng Nai (2), Nghệ An (2), Phú Yên (2), Sóc Trăng (2), An Giang (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Định (1), Bình Phước (1), Cà Mau (1), Đà Nẵng (1), Đắk Lắk (1), Gia Lai (1), Hà Giang (1), Lâm Đồng (1), Quảng Bình (1), Thanh Hóa (1), TP. Hồ Chí Minh (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng dự thảo Hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 phục vụ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) năm 2022 tại Việt Nam.

- Xây dựng dự thảo Công văn của Bộ Y tế gửi Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 01/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.285.293 mẫu cho 88.238.283 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.552.129 mẫu tương đương 84.490.344 lượt người, tăng 73.418 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.991.064 mẫu gộp cho 49.459.235 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 01/4/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	41.590.950	36.998.910	4.592.040	0	92.590.080
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	123.475.148	64.669.450	31.942.300	26.863.398	230.910.514
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						25.179.970

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 01/4/2022

Cả nước đã tiêm 206.460.876 liều (trong ngày tiêm được 135.306 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100,6% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,7%	49,1%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,8%	95,0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 189.269.045 liều:

+ Mũi 1: 71.245.455 liều

+ Mũi 2: 69.559.953 liều ; Mũi bổ sung: 14.935.954 liều.

+ Mũi 3: 33.527.683 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.191.831 liều:

+ Mũi 1: 8.806.606 liều

+ Mũi 2: 8.385.225 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Trong bối cảnh số ca nhiễm nặng và tử vong giảm, tỷ lệ bao phủ vắc xin tăng, WHO nhận định dịch COVID-19 sẽ không biến mất hoàn toàn, có thể sớm trở thành bệnh lưu hành, đồng nghĩa với việc tỷ lệ người dân có kháng thể cao nhờ được tiêm chủng hoặc do đã nhiễm bệnh, số ca mắc mới tăng ở mức ổn định. WHO đang thảo luận về các tiêu chí đánh giá và thời điểm có thể tuyên bố kết thúc tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu mặc dù thừa nhận chưa thể tuyên bố chấm dứt tình trạng khẩn cấp ở thời điểm hiện tại, hiện nay WHO khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp chuyển tiếp từ phòng chống đại dịch sang quản lý bền vững.

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc mới có xu hướng giảm tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong tuần qua (với khoảng 80.000-100.000 ca mỗi ngày, tương đương với tuần cuối tháng 2 vừa qua là thời điểm trước khi số mắc bắt đầu gia tăng cao nhất), số trường hợp mắc tăng nhiều hơn ở nhóm chưa tiêm vắc xin (tháng 3 ghi nhận trên 1,2 triệu ca, tăng khoảng 950.000 ca so với tháng 2); so với tháng trước, số trường hợp tử vong giảm mạnh chỉ còn trên dưới 50 ca mỗi ngày so với gần 100 ca mỗi ngày của tháng trước.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5-11 tuổi, vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong phạm vi, điều kiện cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Tăng cường

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5-11 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

2. Các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin.

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vì rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

3. Bộ Y tế: (1) Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi; (2) Tiếp tục cấp phép các loại thuốc điều trị phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế, hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc phù hợp; giảm thiểu các thủ tục hành chính, triển khai thống nhất trên toàn quốc để đảm bảo người dân được tiếp cận và thực hiện điều trị sớm; (3) Tăng cường hướng dẫn các biện pháp điều trị tại nhà, tại cơ sở y tế để không quá tải hệ thống y tế, nhất là tại tầng 3, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động; (4) Điều chỉnh, cập nhật các quy định về thời gian cách ly F0, F1 theo hướng không cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần, trừ trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; (5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

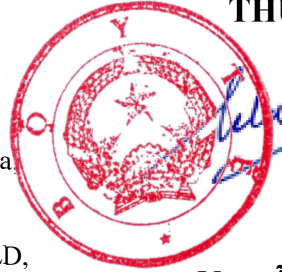
5. Cập nhật, xây dựng kế hoạch đáp ứng và phòng chống dịch COVID-19 nhằm tiến tới chấm dứt giai đoạn khẩn cấp của đại dịch theo 3 tình huống phù hợp với hướng dẫn ban hành ngày 31/3/2022 của Tổ chức Y tế thế giới (WHO).

6. Đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, chống đối công tác phòng, chống dịch.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 01/4	Số mắc ngày 02/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 02/4	Số tử vong tích lũy đến 01/4
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		72.555	65.616	-6939	9.708.343	42.491
1	Hà Nội	7.734	7.423	-311	1.489.939	1.208
2	Hồ Chí Minh	725	746	21	596.056	20.471
3	Nghệ An	3.226	2.911	-315	398.008	138
4	Bình Dương	982	748	-234	378.296	3.449
5	Hải Dương	1.215	1.088	-127	346.361	109
6	Vĩnh Phúc	2202	1706	-496	343.636	19
7	Bắc Ninh	1.375	1.758	383	328.057	131
8	Bắc Giang	2705	2439	-266	319.975	90
9	Quảng Ninh	2450	2378	-72	300.430	127
10	Nam Định	616	571	-45	286.768	147
11	Phú Thọ	3087	2770	-317	283.184	82
12	Hưng Yên	1181	956	-225	227.996	5
13	Thái Bình	1922	1911	-11	209.223	21
14	Hòa Bình	1096	661	-435	196.431	102
15	Thái Nguyên	1152	1134	-18	168.868	103
16	Lào Cai	2804	2283	-521	157.041	33
17	Cà Mau	1135	978	-157	144.145	349
18	Lạng Sơn	1890	1668	-222	143.435	77
19	Đắc Lắc	3099	3999	900	147.844	159
20	Sơn La	1569	1319	-250	140.098	
21	Thanh Hóa	482	465	-17	133.900	104
22	Tuyên Quang	1588	1497	-91	136.512	13
23	Bình Định	1226	834	-392	131.632	273
24	Tây Ninh	1030	737	-293	130.251	865
25	Hải Phòng	378	302	-76	116.619	135
26	Khánh Hòa	323	294	-29	115.605	344
27	Bình Phước	667	728	61	111.652	214
28	Yên Bái	2998	2883	-115	119.839	11
29	Đồng Nai	69	40	-29	106.158	1.829
30	Quảng Bình	2030	1857	-173	110.481	74
31	Hà Giang	2294	2016	-278	110.267	78
32	Đà Nẵng	734	525	-209	95.222	325
33	Ninh Bình	951	648	-303	92.610	88
34	Bến Tre	919	557	-362	91.426	449
35	Vĩnh Long	1331	988	-343	92.904	803
36	Điện Biên	854	661	-193	81.661	18
37	Lâm Đồng	1088	936	-152	81.961	123
38	Cao Bằng	1273	1111	-162	82.735	48
39	Hà Nam	1188	1158	-30	75.777	60
40	Quảng Trị	1084	747	-337	73.281	35
41	BRVT	524	412	-112	68.811	482
42	Lai Châu	937	877	-60	65.918	
43	Trà Vinh	419	342	-77	63.756	280
44	Đồng Tháp	12	26	14	49.909	982
45	Bình Thuận	314	264	-50	50.264	463
46	Cần Thơ	48	80	32	49.060	930
47	Gia Lai			0	48.456	100

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 01/4	Số mắc ngày 02/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 02/4	Số tử vong tích lũy đến 01/4
48	Bắc Kạn	1770	1479	-291	55.232	20
49	Phú Yên	394	358	-36	48.902	127
50	Đắc Nông	494	481	-13	49.089	44
51	Long An	120	115	-5	47.492	990
52	Bạc Liêu	156	140	-16	45.274	451
53	Quảng Nam	263	259	-4	44.151	132
54	T.T.Huế	555	563	8	42.805	172
55	An Giang	170	150	-20	39.840	1.365
56	Quảng Ngãi	568	618	50	41.550	120
57	Hà Tĩnh	737	715	-22	41.225	42
58	Kiên Giang	125	146	21	38.573	975
59	Tiền Giang	27	10	-17	36.139	1.220
60	Sóc Trăng	59		-59	34.173	610
61	Kon Tum	143	121	-22	25.637	
62	Hậu Giang	25	16	-9	17.357	220
63	Ninh Thuận	23	13	-10	8.446	57
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	72.555	65.616	-6.939	9.708.545	42.491

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 01/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.232.270	6.004.085	0	217.229	4.296.545	702.910	678.954	18.131.993	102,2%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.732	1.198.274	98.615	292.044	463.287	153.953	147.025	3.514.930	111,2%
4	Nam Định	3.219.500	1.149.439	1.133.069	0	57.360	901.559	158.975	156.350	3.556.752	110,5%
5	Hà Nam	1.823.260	584.341	575.267	0	276.866	282.867	71.440	69.249	1.860.030	102,0%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	422.017	1.478.648	283.977	281.834	7.107.109	91,9%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.080.374	149.985	149.460	4.133.366	111,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.444	1.095.203	0	360.460	522.512	115.794	110.473	3.341.886	107,1%
10	Phú Thọ	2.512.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	117,9%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	106,2%
12	Hải Dương	3.347.176	1.336.170	1.285.392	6.607	101.291	546.432	157.247	155.092	3.588.231	107,2%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái	2.452.650	915.135	888.549	12.792	208.258	310.598	110.476	108.180	2.553.988	104,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Nguyên										
15	Bắc Cạn	610.140	220.453	218.323	0	14.000	112.119	25.590	24.747	615.232	100,8%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	557.075	531.544	758	241.830	186.556	76.353	72.757	1.666.873	100,7%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	98,3%
20	Lai Châu	785.810	257.174	247.174	529	108.503	101.656	54.433	48.533	818.002	104,1%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.492	502.836	0	0	430.967	66.528	62.859	1.574.682	90,4%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.480	491.025	0	40.926	324.037	70.237	67.026	1.486.731	104,3%
23	Hà Giang	1.732.720	491.177	479.296	529	207.636	232.749	89.364	86.711	1.587.462	91,6%
24	Cao Bằng	1.005.520	350.870	332.738	0	73.406	127.613	45.548	41.433	971.608	96,6%
25	Yên Bái	1.640.754	518.479	509.292	0	265.402	215.022	80.194	76.186	1.664.575	101,5%
26	Lào Cai	1.539.820	467.638	457.525	0	257.359	155.780	81.643	76.511	1.496.456	97,2%
27	Sơn La	1.879.940	739.336	706.883	2.362	0	376.102	143.414	132.050	2.100.147	111,7%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
Cộng miền Bắc		86.101.396	29.788.998	28.999.016	911.475	6.034.061	15.780.711	3.847.901	3.714.198	89.076.360	103,5%
29	Quảng Binh	1.562.332	538.489	523.077	0	172.162	190.995	80.728	74.087	1.579.538	101,1%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.433	417.774	10.622	65.595	229.934	64.993	60.295	1.282.646	98,2%
31	TT- Huế	2.428.386	787.382	767.498	0	279.088	324.032	104.437	98.634	2.361.071	97,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.214	856.510	0	82.226	644.442	102.158	99.989	2.650.539	106,2%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.083.222	1.042.860	36.681	406.396	316.111	132.605	130.337	3.148.212	98,7%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	810.806	0	119.146	487.345	114.198	111.315	2.495.634	90,6%
35	Bình Định	2.974.270	1.050.408	1.016.963	53.940	361.166	370.446	141.436	139.302	3.133.661	105,4%
36	Phú Yên	1.732.454	626.966	599.882	508	78.845	285.659	85.905	81.674	1.759.439	101,6%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.419	403.897	0	154.841	175.683	61.814	59.157	1.287.811	104,4%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
Cộng miền Trung		25.156.914	8.565.294	8.280.082	108.958	2.386.846	3.560.058	1.142.517	1.098.362	25.142.117	99,9%
40	Kon Tum	976.100	321.449	320.436	10.696	94.614	113.718	58.967	55.533	975.413	99,9%
41	Gia Lai	2.739.482	996.091	920.457	80.425	216.022	299.401	167.610	145.125	2.825.131	103,1%
42	Đắc Lắc	3.380.970	1.260.197	1.201.204	0	519.153	269.247	178.061	164.158	3.592.020	106,2%
43	Đắk Nông	1.238.580	403.287	399.707	0	212.608	141.214	68.070	65.742	1.290.628	104,2%
Cộng Tây Nguyên		8.335.132	2.981.024	2.841.804	91.121	1.042.397	823.580	472.708	430.558	8.683.192	104,2%
44	TP. HCM	20.329.820	7.396.024	6.684.058	9	680.742	4.243.758	729.101	684.614	20.418.306	100,4%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	912.004	0	27.049	652.463	110.539	109.284	2.782.446	100,9%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.491	2.360.664	0	175.348	646.743	284.677	274.559	6.464.482	97,0%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.388	1.279.864	131.237	105.670	812.914	156.914	158.132	3.970.119	103,9%
48	Long An	4.337.696	1.501.537	1.465.083	0	22.866	1.142.894	171.747	157.212	4.461.339	102,9%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.960	966.831	0	527.792	253.928	138.865	120.218	2.990.594	100,0%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.853	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.647	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.704	944.450	6.009	343.565	307.956	110.385	103.062	2.760.131	99,8%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
53	An Giang	4.085.900	1.374.045	1.356.770	191.666	472.404	384.532	206.909	192.281	4.178.607	102,3%
54	Bến Tre	3.005.278	1.024.426	1.012.632	0	479.047	284.330	106.936	105.109	3.012.480	100,2%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.267.174	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	95,8%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.657	560.735	0	180.920	220.724	88.829	86.211	1.706.076	105,0%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.756	514.735	0	254.018	134.416	74.042	71.613	1.581.580	103,4%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.275.611	27.372.527	397.699	5.472.650	12.955.723	3.343.480	3.142.107	81.959.797	99,7%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.463.151 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 369.148 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 01/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	78,8%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,2%	37,2%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	77,8%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,4%	94,0%	46,2%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	67,1%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,4%	100,0%	99,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	45,6%	99,2%	94,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	33,8%	100,0%	100,2%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,1%	99,2%	50,9%	100,0%	98,2%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	97,7%	93,2%	32,7%	100,0%	98,7%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,6%	38,9%	100,0%	92,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,3%	85,1%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	66,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,8%	47,5%	99,4%	96,4%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,1%	100,0%	96,2%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	35,0%	100,0%	95,7%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,9%	51,0%	100,0%	93,2%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	54,8%	100,0%	98,1%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,4%	96,6%	35,3%	100,0%	93,1%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,1%	50,7%	99,2%	92,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	41,5%	100,0%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	72,8%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,7%	96,0%	29,1%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,1%	57,2%	99,4%	96,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,2%	91,2%	33,2%	96,5%	95,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,3%	44,0%	100,3%	95,3%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,6%	42,9%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,3%	96,0%	41,3%	99,1%	95,3%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,6%	33,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,9%	31,5%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,9%	21,3%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	34,9%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,0%	27,8%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,2%	87,7%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,3%	68,2%	98,1%	96,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,8%	26,0%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	62,5%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,5%	26,1%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	99,6%	32,5%	97,9%	91,4%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,2%	98,9%	28,0%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	27,4%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	38,5%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,1%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,4%	46,6%	100,0%	92,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 31/3/2022 đến 16h00 ngày 01/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.370 lượt người (nhập cảnh: 1.965, xuất cảnh: 2.405).
- + Tuyến VN-TQ: 290 lượt người (nhập cảnh: 140, xuất cảnh: 150).
- + Tuyến VN-Lào: 1.994 lượt người (nhập cảnh 931, xuất cảnh: 1.063).
- + Tuyến VN-CPC: 2.086 lượt người (nhập cảnh 894; xuất cảnh: 1.192).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.180 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.029 người (VN-TQ: 06; VN-Lào: 123, VN-CPC: 900).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 99 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 99).
 - + Số người trao trả: 52 người (VN-TQ: 31; VN-Lào: 0, VN-CPC: 21).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 28/3/2022 tới ngày 29/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.757 lượt người (nhập cảnh: 1.899 lượt người; xuất cảnh: 858 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 4.849 lượt người (nhập cảnh: 2.157 lượt người; xuất cảnh: 2.692 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 02/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 26 tin/bài tiếng Việt; 23 ảnh trong nước và quốc tế; 15 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 02 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 và kết quả tiêm vaccine phòng COVID-19 ở Việt Nam.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnanet.vn/> và <https://covid19.vnanet.vn/>; đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là Fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam.

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Tính đến hết 30/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.525.000 cuộc gọi (ngày 30/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3
4094	4337	3910	4140	4155	3589	3136	2447	3125	3235	3086

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 30/3/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 30/3/2022 đã tiếp nhận 21 cuộc).

Tiêu chí	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3
Cuộc gọi đến	23	26	29	32	36	31	23	22	29	27	21

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.784.543 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 273.818.799

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 206.106.897

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 193.487.172

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,88%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.622.662

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: hướng dẫn khai trực tuyến cho F0, chuẩn bị cho học sinh học trực tiếp trở lại...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

Trong văn bản mới nhất ban hành ngày 31/3, Bộ Y tế đã bổ sung liều tiêm 0,25ml đối với vắc-xin Moderna. Đồng thời, Bộ cũng bổ sung thêm một số nhà sản xuất, nước sản xuất vắc-xin này.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Sở Y tế cho biết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người mắc COVID-19 không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ nhưng chưa quen khai báo F0 trực tuyến, Ban Chỉ đạo phòng, chống COVID-19 thành phố cho phép F0 có thể khai báo trong vòng 5 ngày, kể từ ngày có kết quả xét nghiệm dương tính.

+ Sau 20 ngày triển khai thí điểm chuyển đổi số trong quản lý F0 tại nhà trên địa bàn Thành phố, có gần 84.800 lượt F0 khai báo trực tuyến thành công. Sở Y tế yêu cầu lãnh đạo các trung tâm y tế đẩy nhanh đăng ký chữ ký số để thuận lợi hơn trong cấp chứng nhận trực tuyến cho F0 đã hoàn thành thời gian cách ly tại nhà.

- Nam Định: Căn cứ tình hình dịch trên địa bàn có chuyển biến tốt, số ca mắc mới mỗi ngày giảm mạnh, tỉnh quyết định cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 trở lại trường từ ngày 04/4.

- Bà Rịa - Vũng Tàu: Đề nghị người dân tiếp tục ủng hộ công tác tiêm chủng vắc-xin mũi 3 của tỉnh theo tinh thần “Tiêm vắc-xin phòng COVID-19 là quyền lợi đối với cá nhân, là trách nhiệm đối với cộng đồng”; tuân thủ hướng dẫn điều trị của bác sĩ, cán bộ, nhân viên y tế điều trị COVID-19.

- Hà Nam: Các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, điều chỉnh nội dung giảng dạy thực hiện dạy trực tiếp theo yêu cầu của ngành giáo dục; cập nhật thông tin liên quan đến sức khỏe của cán bộ, giáo viên, học sinh hằng ngày.